

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 308/2019/DS-PT

Ngày: 19-9-2019

"V/v Tranh chấp dân sự về ranh
giới quyền sử dụng đất"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

Ông Ngô Tấn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 01 năm 2019, về việc “Tranh chấp dân sự về ranh giới quyền sử dụng đất”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 348/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tăng Thành T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Khóm M.P.C.L, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông Tăng Thành T là bà Võ Thị N, sinh năm 1957 (Có mặt);

Địa chỉ: A T.H.D, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/02/2019).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Phú T1, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số C, đường N.Đ.C, Khóm B, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Phú T1 là ông Thái Quang T2, sinh năm 1975 (Có mặt);

Địa chỉ: Số E, N.T.M.K, Phường G, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/3/2019).

2.2. Ông Trần Thái H, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số H, đường H.B, phường H.T, quận T.P, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thái H là ông Trần Ái Q, sinh năm 1968 (Có mặt);

Địa chỉ: Khóm M.P.C.L, thị trấn M.T, huyện C, Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2018).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Tăng Mỹ N1, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Khóm M.P.C.L, thị trấn M.T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Khóm M.P.C.L, thị trấn M.T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà Tăng Mỹ N1 và ông Nguyễn Thanh Đ là bà Võ Thị N, sinh năm 1957 (Có mặt);

Địa chỉ: N, T.H.D, Phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/02/2019).

3.3. Ông Trần Ái Q, sinh năm 1968 (Có mặt);

Địa chỉ: Khóm M.P.C.L, thị trấn M.T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Bà Hồ Thị Đĩnh, sinh năm 1940 (Có đơn xin vắng mặt);

3.5. Chị Trần Thị Thiên T5, sinh năm 1996 (Có đơn xin vắng mặt);

3.6. Anh Trần Thanh B1, sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt);

3.7. Chị Phạm Thị Thanh H2, sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số C, đường N.Đ.C, Khóm B, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Tăng Thành T, bà Tăng Mỹ N1, ông Nguyễn Thanh Đ (là nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Tăng Mỹ N1 là đại diện theo ủy quyền của ông Tăng Thành T, ông Nguyễn Thanh Đ tại cấp sơ thẩm trình bày:

Nguồn gốc đất của ông Tăng Thành T là cha, mẹ nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T3 (đã chết), khi mua không làm giấy tờ để định vị kích thước ngang dài của thửa đất và nhận chuyển nhượng của ông Tây cách nay khoảng 30

năm. Sau khi nhận chuyển nhượng cha, mẹ tự đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất không đo đạc, định vị ranh khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2001, cha mẹ là bà Đ1, ông Trần Văn B cho ông Tăng Thành T thừa đất số 58, tờ bản đồ số 6 đất tại thị trấn M.T, huyện C nên ông T được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T không lập biên bản đo đạc để xác định ranh chung với đất của ông T1, ông H vì hai bên là chỗ thân quen từ trước. Chính chỗ thân quen nên từ khi nhận chuyển nhượng đất của ông Tây gia đình ông T để bên ông T1, ông H là chủ đất giáp ranh sử dụng lấn chiếm, trồng cây, san lấp cát, xây chuồng heo mà không tranh cãi và họ đã chiếm sử dụng khoảng 30 năm. Bà N1 cũng xác định trên diện tích tranh chấp không có cây trồng hay vật kiến T5 của bà N1, ông T, ông Đ hay gia đình bà.

Năm 2016, bà N1 chuyển về và cất nhà trên diện tích đất thuộc thửa số 58, tờ bản đồ số 6, loại đất CDK, đất tọa lạc tại khóm M.P.C.L, thị trấn M.T, huyện C bà thấy ông T1 lấn sang phần đất của ông T chiều ngang giáp sông Xóm Giồng đầu lán 3.3m, chiều ngang giáp lộ nhựa đường Nguyễn Văn Khải 2m, ông H lấn qua đất ông T ngang giáp sông Xóm Giồng 0,75m. Bà N1 xác định việc ông T biết ranh hiện tại không đúng có lấn chiếm là do những người lớn tuổi trong dòng họ nói lại, bản thân bà N1, ông T không có tài liệu, chứng cứ nào ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Tăng Thành T ngày 27/4/2001 chứng minh điều này. Những người lớn tuổi trong dòng họ đã chết không thể cho lời khai trước tòa.

Nay ông Tăng Thành T yêu cầu xác định ranh chung giữa đất ông Tăng Thành T với đất ông Trần Phú T1, ông Trần Phú H là đường thẳng nối mốc 02 tới mốc 22. Phần cây cối trồng trên đất lấn chiếm (275m²), cát san lấp, chuồng heo yêu cầu ông T1, ông H di dời đi nơi khác chứ ông T không đồng ý trả giá trị.

Về hiện trạng đất từ khi thẩm định đến nay không thay đổi. Về kết quả định giá của Hội đồng định giá đưa ra, bà N1 đại diện cho ông T thống nhất và không yêu cầu định giá lại. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Tăng Thành T không cầm cố, thế chấp cho cá nhân, tổ chức tín dụng nào.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Phú T1 là ông Vũ Hồng L tại cấp sơ thẩm trình bày:

Nguồn gốc đất của ông Trần Phú T1 là của ông Trần Văn B (cha của ông T1, ông H) nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị H1 (đã chết) vào năm 1987, sau đó ông B nhận chuyển nhượng thêm một phần của bà C (đã chết) không biết diện tích bao nhiêu mới được diện tích đất như ngày hôm nay. Ông Trần Văn B

đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm kê khai cũng không định vị đo đạc giáp ranh. Năm 2001 ông B, bà Đ1 chia đất cho Trần Phú T1 hiện nay thửa 835, ông Trần Thái H thửa 836 khi đó có đo đạc định ranh chung với đất ông Tăng Thành T có ông Tăng Thành T4 và Tăng Hón V chứng kiến nhưng không lập biên bản ký giáp ranh. Năm 2010, ông T1, ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc đo đạc và việc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ai tranh chấp. Sau đó, ông T1 tiến hành trồng cây, xây chuồng heo, bơm cát trên diện tích đất ông T đang tranh chấp nhưng không ai tranh cản. Chính vì vậy, ông Trần Phú T1 không đồng ý nối mốc 02 với mốc 22 làm ranh chung mà ranh chung phải là đường thẳng nối mốc 21, 19, 10, 6. Trường hợp Tòa án chấp nhận ranh chung theo yêu cầu của ông T thì ông T1 đồng ý di dời toàn bộ cây cối, chuồng heo, cát san lấp đi nơi khác trả đất cho ông T mà không yêu cầu ông T trả giá trị các cây trồng, kiến trúc như đã nêu trên. Ông T1 xác định trên diện tích đất tranh chấp chỉ có cây trồng, vật kiến trúc (chuồng heo) của ông T1 không có cây trồng hay vật kiến trúc nào của ông T, bà N1, ông Đ.

Về hiện trạng đất từ khi thẩm định đến nay không thay đổi. Về kết quả định giá của Hội đồng định giá đưa ra, ông T1 thống nhất và không yêu cầu định giá lại. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T1 không cầm cố, thế chấp cho cá nhân, tổ chức tín dụng nào.

- Ông Trần Ái Q là đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thái H và bản thân ông Trần Ái Q tại cấp sơ thẩm trình bày:

Nguồn gốc đất là của ông Trần Văn B (cha của ông T1, ông H) nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị H1 (đã chết) vào năm 1987, sau đó, ông B nhận chuyển nhượng thêm một phần của bà C (đã chết) không biết diện tích bao nhiêu mới được diện tích đất như ngày hôm nay. Ông Trần Văn B đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2001 ông B, bà Đ1 chia đất cho Trần Phú T1, ông Trần Thái H có đo đạc định ranh chung với đất ông Tăng Thành T có ông Tăng Thành T4 và Tăng Hón V chứng kiến nhưng không ký giáp ranh. Năm 2010, ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc đo đạc và việc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ai tranh chấp. Sau đó, ông H tiến hành trồng cây, bơm cát trên diện tích đất ông T đang tranh chấp nhưng không ai tranh cản. Chính vì vậy, ông Trần Thái H không đồng ý nối mốc 02 với mốc 22 làm ranh chung mà ranh chung phải là đường thẳng nối mốc 21, 19, 10, 6. Trường hợp Tòa án chấp nhận ranh chung theo yêu cầu của ông T thì ông H đồng ý di dời T1 bộ cây cối, cát san lấp đi nơi khác trả đất cho ông T mà không yêu cầu ông T trả giá trị các cây trồng kiến trúc đã xây

dựng. Ông Q đại diện cho ông H xác định trên diện tích đất tranh chấp chỉ có cây trồng, vật kiến trúc (chuồng heo) của ông T1, ông H không có cây trồng hay vật kiến trúc nào của ông T, bà N1, ông Đ. Kiến trúc là chuồng heo ông Ái Q xác định là của ông T1 xây dựng chăn nuôi được một thời gian thì bỏ không chăn nuôi, thấy vậy ông mới vào sử dụng chuồng để nuôi nhưng chỉ được 01 năm thì nghỉ hiện nay không quản lý sử dụng chuồng heo này.

Về hiện trạng đất từ khi thẩm định đến nay không thay đổi. Về kết quả định giá của Hội đồng định giá đưa ra, ông H, ông Q thống nhất và không yêu cầu định giá lại. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H không cầm cố, thế chấp cho cá nhân, tổ chức tín dụng nào, ông H, ông Q không có yêu cầu nào khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Đ1 trình bày trong biên bản lấy lời khai:

Bà không có quan hệ sử dụng đất thửa 835, 836, diện tích này thuộc quyền sử dụng của cá nhân ông Trần Phú T1, Trần Thái H, bà chỉ ở chung hộ khẩu với ông T1 nên trong vụ án tranh chấp ranh bà không có ý kiến. Việc xác định ranh chung với đất ông T do ông H, ông T1 quyết định. Quyết định của ông T1, ông H không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự; Điều 26 luật thi hành án dân sự; Nghị Quyết về án phí, lệ phí số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu nối mốc 02 với mốc 22 làm ranh giới chung của ông Tăng Thành T.

- Ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ ông Tăng Thành T, bà Tăng Mỹ N1, Nguyễn Thanh Đ thuộc thửa 58, tờ bản đồ số 6 (bản đồ cũ) với đất hộ ông Trần Phú T1, bà Hồ Thị Đ1, bà Trần Thị Thiên T5, ông Trần Thanh B1, bà Phạm Thị Thanh H2 thuộc thửa 835 và ông Trần Thái H thuộc thửa 836, tờ bản đồ số 7 (bản đồ lưới tọa độ), đất tọa lạc tại thị trấn M.T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp được xác định như sau:

+ Mốc số 6: mốc 6 là mí tường rào của chùa Phước Thạnh, mốc 6 cách mốc 5 một đoạn dài 1.16m; mốc 6 cách gốc nhà phía trước của ông Trần Thái H

nhìn từ đường Nguyễn Văn Khải vào dài 13,64m; cách gốc mộ phía trước bên phải nhìn từ đường Nguyễn Văn Khải vào dài 17.30m;

+ Mốc số 10: mốc 10 cách mốc 6 một đoạn dài 2.03m; mốc 10 cách gốc nhà phía trước bên phải ông Trần Ái Q nhìn từ đường Nguyễn Văn Khải vào một đoạn dài 16.96m; mốc 10 cách gốc nhà sau bên trái của bà Tăng Mỹ N1 nhìn từ đường Nguyễn Văn Khải vào một đoạn dài 23.67m;

+ Mốc số 19: mốc 19 cách mốc 21 một đoạn dài 25.79m; mốc 19 cách gốc nhà của phía sau bên trái của bà Tăng Mỹ N1 nhìn từ đường Nguyễn Văn Khải vào 18,51m; mốc 19 cách gốc nhà phía sau bên trái của Tăng Kim Muối nhìn từ đường Nguyễn Văn Khải vào 1.33m;

+ Mốc số 21: mốc 21 cách mốc 19 một đoạn dài 25.79m; mốc 21 cách mốc 22 một đoạn dài 2m; mốc 21 cách trụ rào đối diện với đất tranh chấp bên trái dài 13.67m; trụ rào bên phải dài 13.79m;

Nói các mốc 06, 10, 19, 21 dài 69.72m là ranh chung giữa đất hộ ông Tăng Thành T thuộc thửa 58 với đất hộ ông Trần Phú T1 thuộc thửa 835 và hộ ông Trần Thái H thuộc thửa 836 đất tọa lạc tại xã M.T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa các bên là phương thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất. Hộ ông Tăng Thành T, hộ ông Trần Phú T1, Trần Thái H có nghĩa vụ di dời vật kiến trúc (trên mặt đất, dưới lòng đất), cây trồng của bên này nằm qua đất của bên kia và ngược lại.

(Kèm theo biên bản thẩm định ngày 30/8/2018 và bản đồ Trích đo và sơ đồ mốc đất tranh chấp của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp duyệt ngày 30/8/2018).

Các bên đương sự có nghĩa vụ điều chỉnh lại diện tích đất của mình theo ranh giới quyền sử dụng đất đã tuyên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 12 năm 2018 nguyên đơn ông Tăng Thành T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tăng Mỹ N1, ông Nguyễn Thanh Đ kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Tăng Thành T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tăng Mỹ N1 và ông Nguyễn Thanh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và người liên quan kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Tăng Thành T, bà Tăng Mỹ N1 và ông Nguyễn Thanh Đ, vì hộ ông T không có chứng cứ chứng minh ranh đất của hộ ông T là N1y vị T2 mốc 2 đến mốc 22; Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số: 106/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp, vì cấp sơ thẩm không buộc ông T nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, vì diện tích tranh chấp là 275m² là diện tích lớn (Có giá ngạch). Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến phát biểu của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

- Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa ngày 19/9/2019, đại diện theo ủy quyền của ông Tăng Thành T, ông Nguyễn Thanh Đ là bà Võ Thị N, đại diện theo ủy quyền của ông Trần Phú T1 là ông Thái Quang T2, đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thái H là ông Trần Ái Q, bà Tăng Mỹ N1 có mặt tại phiên tòa. Riêng đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Đ1, chị Trần Thị Thiên T5, chị Phạm Thị Thanh H2, anh Trần Thanh B1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Hộ gia đình ông Tăng Thành T có sử dụng phần đất thuộc thửa 58, tờ bản đồ số 06 (đất chuyên dùng khác) do hộ ông Tăng Thanh T đứng tên ngày 27/4/2001; Liên kề với thửa 58 của hộ ông T thì hộ ông Trần Phú T1 có sử dụng phần đất thuộc thửa số 835, tờ bản đồ số 07 (đất ở đô thị và đất cây lâu năm) do hộ ông Trần Phú T1 đứng tên ngày 24/9/2010; Liên kề với thửa đất số 835 của hộ ông T1 thì ông Trần Thái H có sử dụng phần đất thuộc thửa số 836, tờ bản đồ

số 07 (đất ở đô thị và đất cây lâu năm) do hộ ông Trần Thái H đứng tên ngày 24/9/2010. Các thửa đất trên tọa lạc tại thị trấn M.T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Tăng Thành T khởi kiện yêu cầu Tòa án xét xử xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 58 của hộ ông T với các thửa đất số 835, 836 của hộ ông T1 và ông H là kéo thẳng nối từ các mốc 2 đến mốc 22 theo sơ đồ tranh chấp ngày 30/8/2018 làm ranh với nhau. Phía hộ ông T1 và ông H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T. Hộ ông T1, ông H yêu cầu xác định ranh giới giữa thửa đất số 835, 836 của hộ ông T1 và ông H với thửa đất số 58 của hộ ông T là đường thẳng nối từ các mốc 6, 10, 19 đến mốc 21 theo sơ đồ tranh chấp ngày 30/8/2018 làm ranh với nhau, đất tọa lạc tại thị trấn M.T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

[4] Phần diện tích đất tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ ông Tăng Thành T với hộ ông Trần Phú T1 và ông Trần Thái H trong vụ án này là 275m² được thể hiện theo các mốc: 2, 3, 4, 5, 6, 10, 19, 21, 22 về 2 (trong đó hộ ông T tranh chấp với hộ ông T1 là 268.8m² và hộ ông T tranh chấp với ông H là 6.2m²) theo bản đồ Trích đo và sơ đồ mốc tranh chấp của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp ngày 30/8/2018, đất tọa lạc tại thị trấn M.T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

[5] Theo nội dung kháng cáo thì ông Tăng Thành T, bà Tăng Mỹ N1, ông Nguyễn Thanh Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 58 của hộ ông T với các thửa đất số 835, 836 của hộ ông T1 và ông H là kéo thẳng nối từ các mốc 2 đến mốc 22 theo sơ đồ tranh chấp ngày 30/8/2018 làm ranh với nhau.

[6] Xét qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày và yêu cầu của ông T, bà N1, ông Đ tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn không có căn cứ nên không được chấp nhận kháng cáo, bởi lẽ: Tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thì ông T, bà N1, ông Đ không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh diện tích 275m² đang tranh chấp trên là của hộ ông T và đối với diện tích 275m² đang tranh chấp trên từ trước đến nay phía hộ ông T hoàn toàn không có sử dụng mà diện tích 275m² đang tranh chấp trên là do hộ ông T1 và ông H đứng tên sử dụng đến các mốc 6, 10, 19, 21 theo sơ đồ tranh chấp để làm ranh với thửa đất số 58 của hộ ông T từ năm 1987 cho đến nay và trong quá trình sử dụng đất thì hộ ông T1 đã san lấp cát, xây chuồng heo và trồng cây trong phạm vi đất tranh chấp đến các mốc 6, 10, 19, 21 nhưng hộ ông T không có ý kiến hay tranh chấp gì mà mặc nhiên đồng ý cho hộ ông T1, ông H sử dụng đất đến các mốc 6, 10, 19, 21 trên. Điều đó, cho thấy ranh đất giữa thửa số 835 và 836 của hộ ông T1 và ông H với thửa đất số 58 của hộ ông T là ngay vị trí các mốc 6, 10,

19, 21 làm ranh là hoàn T1 đúng thực tế. Mặt khác, qua đo đạc thực tế của Trung tâm Kỹ thuật Tài Nguyên và Môi trường ngày 30/8/2018 thì diện tích thuộc thửa đất số 58 của hộ ông T là dư 222.8m² so với giấy được cấp (chưa tính diện tích tranh chấp), trong khi đó qua đo đạc thực tế hai thửa đất số 835 và 836 của hộ ông T1 và ông H (tính luôn diện tích tranh chấp) lại thiếu so với giấy được cấp (cụ thể: Thửa đất số 835 của hộ ông T1 thiếu 60.6m² và thửa đất số 836 của ông H thiếu 31.4m² so với giấy được cấp). Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của ông T, bà N1, ông Đ là không có căn cứ, do đó không chấp nhận kháng cáo của ông T, bà N1, ông Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 106/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã xét xử là hoàn T1 có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[7] Từ những nhận định trên cho thấy ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 58 của hộ ông T với các thửa đất số 835, 836 của hộ ông T1 và ông H được xác định là đường thẳng nối từ các mốc 6, 10, 19 đến mốc 21 theo sơ đồ tranh chấp ngày 30/8/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C làm ranh với nhau.

[8] Tại phiên tòa ngày 19/9/2019, bà Tăng Mỹ N1 yêu cầu Hội đồng xét xử thu thập chứng cứ đối với hồ sơ cấp thửa đất số 58 cho bà Trần Thị Đạt (mẹ ông T) vào năm 1993 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M.T. Xét yêu cầu thu thập chứng cứ trên của bà N1 là không được chấp nhận, bởi lẽ: Việc thu thập chứng cứ trên không ảnh hưởng gì đến nội dung giải quyết vụ án, vì hộ ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 58 trên do bà Đ2 để lại cho hộ ông T đứng tên từ năm 2001 nhưng hộ ông T không khiếu nại hay ý kiến gì về việc cấp thửa đất số 58 trên cho hộ ông T.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở một phần nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần. Vì trong vụ án này nguyên đơn tranh chấp yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất với bị đơn nên xác định là tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch như án sơ thẩm xét xử là hoàn toàn phù hợp, đúng pháp luật.

[10] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
- Do ông T, bà N1, ông Đ không được chấp nhận kháng cáo nên ông T, bà N1, ông Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của ông T không được chấp nhận nên ông T phải tự chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 12.305.434 đồng (Ông T đã nộp chi xong).

[12] Do phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chưa đúng theo quy định về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất nên cấp phúc thẩm cần phải sửa lại cách tuyên án cho đúng theo quy định về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

[13] Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9, khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 99, Điều 166 của Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Tăng Thành T, bà Tăng Mỹ N1, ông Nguyễn Thanh Đ.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tăng Thành T về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ ông Tăng Thành T với hộ ông Trần Phú T1 và ông Trần Thái H.

4. Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 58, tờ bản đồ số 6 (bản đồ 299) của hộ ông Tăng Thành T với thửa đất số 835, tờ bản đồ số 07 (bản đồ lưới tọa độ) của hộ ông Trần Phú T1 và thửa đất số 836, tờ bản đồ số 07 (bản đồ lưới tọa độ) của hộ ông Trần Thái H được xác định là đường thẳng nối từ các mốc: 6, 10, 19 đến mốc 21, đất tọa lạc tại thị trấn M.T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng từ lòng đất đến không gian, tài sản của các bên lấn chiếm thì phải di dời theo quy định của pháp luật (kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/8/2018 và Bản đồ Trích đo, Sơ đồ mốc đất tranh chấp của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp ngày 30/8/2018).

5. Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để đăng ký lại quyền sử dụng đất theo đúng diện tích đất thực tế mình đang sử dụng.

6. Về án phí:

6.1. Ông Tăng Thành T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000613 ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

6.2. Ông Tăng Thành T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0001166 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp (ông T đã nộp xong án phí phúc thẩm).

6.3. Bà Tăng Mỹ N1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0001168 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp (bà N1 đã nộp xong án phí phúc thẩm).

6.4. Ông Nguyễn Thanh Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0001167 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp (ông Đ đã nộp xong án phí phúc thẩm).

7. Về chi phí tố tụng: Ông Tăng Thành T phải tự chịu 12.305.434 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá (ông T đã nộp chi xong).

8. Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Ngọc Giao